

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đơn giá trồng rừng thay thế và định mức chi trả giao khoán quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi khoản 2, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 1 của Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đơn giá trồng rừng thay thế và định mức chi trả giao khoán quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang:

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Đơn giá trồng rừng thay thế:

Đơn vị tính: Đồng/ha

STT	Loài cây/Phương thức trồng	Điều kiện gây trồng	Đơn giá
1	Bần chua (<i>Sonneratia caseolaris</i>)		
	Thuần loài; cây con gieo ươm trong túi bầu	Nhóm I	125.218.219
	Thuần loài; cây con gieo ươm trong túi bầu	Nhóm II	177.286.303
	Thuần loài; cây con gieo ươm trong túi bầu	Nhóm III	249.391.270
2	Mắm trắng (<i>Acacia alba</i>)		
	Thuần loài; cây con gieo ươm trong túi bầu	Nhóm I	246.980.000
	Thuần loài; cây con gieo ươm trong túi bầu	Nhóm II	345.900.000
	Thuần loài; cây con gieo ươm trong túi bầu	Nhóm III	423.900.000
3	Phi lao (<i>Casuarina equisetifolia</i>)		
	Thuần loài; cây con gieo ươm trong túi bầu	Nhóm I	131.134.528
4	Tràm cừ (<i>Melaleuca cajuputi</i>)		
	Thuần loài; cây con rễ trần	Nhóm I	125.372.552

Đơn giá trên bao gồm trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng trồng cho đến khi thành rừng trong 04 năm đầu (01 năm trồng và 03 năm chăm sóc).

Đính kèm:

Phụ lục 1: Bảng tính chi tiết chi phí trồng, chăm sóc và bảo vệ 1 ha rừng Bần chua.

Phụ lục 2: Bảng tính chi tiết chi phí trồng, chăm sóc và bảo vệ 1 ha rừng Mắm trắng.

Phụ lục 3: Bảng tính chi tiết chi phí trồng, chăm sóc và bảo vệ 1 ha rừng Phi lao.

Phụ lục 4: Bảng tính chi tiết chi phí trồng, chăm sóc và bảo vệ 1 ha rừng Tràm cừ.”

2. Bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 1 như sau:

“3. Đơn giá trồng rừng thay thế tại khoản 2 Điều này (có xem xét, điều chỉnh đơn giá trồng rừng thay thế cho phù hợp với tình hình biến động giá thực tế) là cơ sở để: Lập dự toán trồng rừng phòng hộ ven biển thuộc các huyện Gò Công Đông, Tân Phú Đông, trồng rừng tràm thuộc khu vực huyện Tân Phước; các chủ dự án nộp tiền trồng rừng thay thế cho từng dự án cụ thể:

a) Nếu giá thực tế không có biến động về ngày công và giá cây giống, thì áp dụng đơn giá theo đơn giá trồng rừng thay thế quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Nếu giá thực tế có biến động về ngày công và giá cây giống, thì áp dụng đơn giá trong phạm vi $\pm 20\%$ so với đơn giá quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Đối với những dự án đã nộp tiền hoặc đã được phê duyệt dự toán nhưng chưa tổ chức trồng rừng thay thế thì thực hiện nộp tiền bổ sung theo Quyết định này.”

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hàng năm rà soát đơn giá để kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với thực tế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2021. / *Như*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT.Tỉnh ủy; TT.Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức đoàn thể tỉnh;
- UBND tỉnh: CT và các PCT;
- VPUB tỉnh: CVP và các PCVP;
- Công Thông tin điện tử tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, P.KT(Lưu).

11 B

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Trọng